TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
"về vụ ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trí Trường**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**
2/ ông **Nguyễn Phương Th**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2018/TLST –HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2018. Về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: chị Trịnh Thị Mai Th**,** sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 131/10, ấp Phước Yên B, Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Trịnh Đình A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 131/10, ấp Phước Yên B, xã Phú Quới, huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị Mai Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đình A được người quen giới thiệu qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn và đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng giữa năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đình A đi chơi thiếu nợ gia đình tôi phải trả nợ cho Anh, nhưng tôi khuyên anh thì anh không nghe và bỏ nhà đi, một thời gian thì lại quay về rồi lại tiếp tục đi nữa. hiện nay anh Đình A đã sống với người phụ nữ khác và đã có con chung. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn anh Trịnh Đình A.

Về con chung: Có 02 con tên Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 06/01/2014 và Trịnh Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay 02 con do tôi đang nuôi dưỡng, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đình A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có. tôi cam kết nếu có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì tôi đồng ý trả theo qui định pháp luật.

Bị đơn anh Trịnh Đình A vắng mặt không có lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

anh Trịnh Đình A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Đình A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống vợ chồng của chị Th và anh Đình A không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, Từ năm 2018 thì anh Đình A đã bỏ nhà đi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay, Sau một thời gian sống ly thân vợ chồng vẫn không hàn gắn lại được tình cảm. Giữa anh Đình A và chị Th đã có 02 con chung, nhưng khoảng thời gian dài anh Đình A không quan tâm chăm sóc con chung, cho thấy mục đích hôn nhân giữa anh và chị Th không đạt được. Tại tòa chị Th cũng cấp 02 bức ảnh hình đám cưới của anh Đình A và người phụ nữ khác. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th.

[2.2]*Về con chung*: Có 02 con chung tên Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 06/01/2014 và Trịnh Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng chị Th. Anh Đình A không có bản khai ý kiến gì về việc chị Th yêu cầu nuôi 02 con. Do đó Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trịnh Thị Anh Th và Trịnh Thị Anh T cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3].*Về tài sản chung:* Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4].*Về nợ chung*: Đương sự khai không có nợ chung và cam kết nếu có nợ chung thì sẽ đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về án phí:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Mai Th, chị Th nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- ***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Mai Th và anh Trịnh Đình A.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao 02 cháu Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 06/01/2014 và Trịnh Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2016 cho chị Trịnh Thị Mai Th nuôi dưỡng. Anh Đình A có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh Đình A thực hiện quyền này.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ *Về tài sản chung*: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

5/ *Về nợ chung*: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

*6/ Về án phí***:** Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Trịnh Thị Mai Th nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị Th đã nộp tạm ứng 300.000đồng theo lai thu số 0001997 ngày 17/12/2018 nên được khấu trừ. Chị Trịnh Thị Mai Th không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thanh – Nguyễn Thị Hồng Sen Phạm Trí Trường